

KINH NGHIỆM HỢP TÁC GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC, DOANH NGHIỆP TẠI NHẬT BẢN VÀ GỢI Ý CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

■ Lê Văn Bình
Trường Đại học Huế



1. Kinh nghiệm Nhật Bản

Lịch sử phát triển hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp

Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp ở Nhật Bản có lịch sử hơn 100 năm, ở nhiều hình thức khác nhau, cả chính thức và không chính thức. Nhìn chung, hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp tại Nhật Bản phát triển qua 3 giai đoạn [1]: Giai đoạn 1 là trước năm 1998, hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp được thể hiện qua các mối quan hệ không chính thức và “giữa các cá nhân” của các giảng viên với các nhà nghiên cứu của công ty, với mục tiêu chính là tuyển dụng sinh viên và tư vấn công nghệ. Loại tài trợ phổ biến nhất là hình thức học bổng từ doanh nghiệp. Giai đoạn 2 là sau năm

1998, đạt đỉnh điểm năm 2003, do ảnh hưởng tích cực từ chính sách pháp luật của Chính phủ, như: Luật Khuyến khích chuyển giao công nghệ năm 1998; Luật Bayh - Dole phiên bản Nhật Bản năm 1999 trao quyền sở hữu cho các nhà nghiên cứu, trường đại học và tổ chức nghiên cứu, thúc đẩy chuyển giao công nghệ cho ngành công nghiệp để thương mại hóa; Luật Tăng cường công nghệ công nghiệp năm 2000 cho phép các giảng viên/các nhà nghiên cứu đảm nhận vị trí quản lý trong công ty, có thể nghỉ làm tại trường tới 3 năm để hoàn thiện các phát minh; Kế hoạch Hi-

ranuma năm 2001 khuyến khích các trường đại học thành lập các liên doanh kinh doanh để thương mại hóa kết quả nghiên cứu; các chính sách ưu tiên miễn giảm thuế và lãi suất thấp dành riêng cho các doanh nghiệp có dự án hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp, đặc biệt “Thuế Thiên thần” cho phép thời gian chuyển tiếp 3 năm đối với các khoản lỗ do đầu tư vào các doanh nghiệp mạo hiểm từ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp. Tuy nhiên, các hoạt động hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp vẫn còn ngắn hạn, có giá trị thấp và quy mô nhỏ. Giai đoạn 3 bắt đầu sau năm 2007 và đạt đỉnh điểm sau năm 2010, do tác động bước ngoặt về cơ chế của Luật Công ty đại học quốc gia năm 2004, thay đổi cơ cấu trường đại học quốc gia thành các tập đoàn và tư nhân hóa một phần hệ thống đại học quốc gia; chiến lược “đổi mới 25” năm 2007 gồm chính sách tập trung vào cải cách trường đại học, khuyến khích đổi mới dịch vụ, cơ sở hạ tầng và khởi nghiệp; Chương trình Nâng cao sự phát triển của doanh nhân toàn cầu và Luật Nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp có hiệu lực năm 2014 giúp các trường đại học có thể thành lập hoặc tài trợ quỹ đầu tư mạo hiểm; kế hoạch cơ bản về khoa học và công nghệ (5 năm 1 lần) thúc đẩy một “xã hội siêu thông minh”. Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp giai đoạn này mang tính chiến lược dài hạn hơn (10 năm), phù hợp với các dự án nghiên cứu chuyên sâu trong ngành dược, y, công nghệ sinh học,...cũng như có hình thức đa dạng hơn, như: (1) Nghiên cứu và phát triển; (2) Tư vấn và hướng dẫn công nghệ; (3) Trao đổi nhân lực từ cả hai phía; (4) Đăng ký sở hữu trí tuệ (chuyển giao sở hữu trí tuệ từ trường đại học sang doanh nghiệp); (5) Liên doanh kinh doanh.

Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp tại Nhật Bản đã đạt được những thành công nhất định như hơn 150 công ty học thuật thành lập mỗi năm từ năm 2000 và 1.773 doanh nghiệp hoạt động vào năm

2015; 23 vườn ươm doanh nhân năm 2004. Năng lực kinh doanh của các trường đại học Nhật Bản được cải thiện ở mọi khía cạnh và thu nhập từ sở hữu trí tuệ cũng tăng lên. Năm 2015, Nhật Bản có số lượng nhà nghiên cứu trung bình trong 1 triệu người dân cao nhất thế giới (5.231 người), cao hơn Mỹ (4.232 người). Năm 2019, Nhật Bản đứng thứ 9 trong топ những quốc gia có nền kinh tế sáng tạo nhất thế giới; đứng thứ 5 trong danh sách đất nước có топ 100. Vai trò của cơ sở giáo dục và doanh nghiệp trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trường đại học sáng tạo nhất thế giới, gồm 6 trường đại học: Tokyo (26), Osaka (35), Kyoto (43), Kyushu (57), Tohoku (61), Viện Kỹ thuật Tokyo (74) [1].

Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp tại Trường Đại học Osaka

Đại học Osaka thành lập năm 1931, là một trong những trường đại học quốc gia của Nhật Bản, Đại học Osaka có 11 trường đại học, 16 trường sau đại học, 27 trung tâm và viện nghiên cứu và 2 bệnh viện đại học. Tổ chức hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp đầu tiên của Đại học Osaka thành lập năm 1995 với quy mô nhỏ, chỉ có 1 giáo sư và 1 phó giáo sư. Tháng 4/2011, thành lập văn phòng Hợp tác đại học - doanh nghiệp, đến tháng 4/2017 đổi tên thành văn phòng Đồng sáng tạo đại học - công nghiệp, hoạt động như một trung tâm liên kết doanh nghiệp - đại học [2].

Văn phòng Đồng sáng tạo đại học - công nghiệp hoạt động thông qua 4 bộ

phần: (1) Bộ phận Đồng sáng tạo: Điều phối nghiên cứu do Chính phủ tài trợ và nghiên cứu chung/ủy quyền với các đối tác trong ngành trong khuôn viên trường hoặc trong các phòng thí nghiệm vệ tinh, tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty đầu tư vào trường đại học, thúc đẩy các dòng nghiên cứu mới, giám sát nghiên cứu, thu thập thông tin về ngành và hỗ trợ các công ty con của trường đại học; (2) Bộ phận Chuyển giao công nghệ: Điều phối các tài sản trí tuệ (bằng sáng chế và giấy phép), trực tiếp hoặc phối hợp với một công ty quản lý công nghệ (TLO) và Ủy ban Sáng chế, với mục đích tạo ra giá trị kinh tế và xã hội; (3) Bộ phận Giáo dục Đồng sáng tạo: Tập trung vào việc phát triển nguồn nhân lực với các kỹ năng phù hợp để tạo ra sự đổi mới và kết nối trường đại học với xã hội thông qua các ghế nghiên cứu chung và phòng thí nghiệm liên minh nghiên cứu; (4) Bộ phận Ươm tạo doanh nghiệp: Sử dụng các dự án do Chính phủ tài trợ để tạo ra một hệ sinh thái đổi mới [1,2]. Thương hiệu của Đại học Osaka là “Công nghiệp trong trường học” được triển khai thông qua một loạt các hoạt động khác nhau. Trường có 6 hệ thống ghế nghiên cứu chung, 6 phòng thí nghiệm nghiên cứu liên minh và 1 đơn vị liên minh nghiên

cứu trong tòa nhà TechnoAlliance để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp. Chương trình thương mại hóa và doanh nhân công nghệ toàn cầu (G-TEC) là một điển hình hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục khởi nghiệp, chủ yếu đào tạo các lớp ngắn hạn về kế hoạch đánh giá và thương mại hóa, điều hành viên chương trình G-TEC bao gồm 3 giảng viên đại học và 2 nhân viên từ doanh nghiệp. Ngoài ra, Đại học Osaka thành lập Công ty TNHH Vốn đầu tư mạo hiểm Đại học Osaka vào tháng 12/2014, với vốn đầu tư 10 tỷ yên từ Chính phủ, ký hợp đồng nghiên cứu chung (trị giá 10 tỷ yên trong 10 năm) vào tháng 5/2016 với Công ty Dược phẩm Chugai [1]. Các hoạt động hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp của Đại học Osaka đã rất thành công trong giai đoạn 2002-2015: số lượng hợp đồng nghiên cứu chung tăng gần 4 lần, đạt 993 (năm 2015) với thu



Trường Đại học Osaka thành công trong hợp tác với doanh nghiệp

nhập tạo ra tăng gấp 3 lần, đạt 35,7 triệu USD (năm 2015); số lượng hợp đồng nghiên cứu được ủy thác tăng gần gấp 3 lần, từ 388 (năm 2002) lên 950 (năm 2015) và thu nhập tạo ra cũng tăng gấp 3 lần, đạt 154,4 triệu USD (năm 2015). Tài trợ nghiên cứu tăng dần và mang lại thu nhập lên tới 47,8 triệu USD (năm 2015). Số lượng phát minh mới là 354 vào năm 2015. Số lượng giấy phép được cấp từ 0 (năm 2002) lên 89 (năm 2015), thu nhập từ giấy phép là 1,2 triệu USD [2]. Ngoài ra, Chương trình G-TEC của trường đã thành công trong việc tạo điều kiện trao đổi kiến thức giữa sinh viên đại học và các học viên, giúp sinh viên tiếp thu các kỹ năng quản lý và tư duy kinh doanh cũng như kiến thức hàn lâm... [3].

Một trong những nguyên nhân giúp Trường Đại học Osaka thành công trong hợp tác với doanh nghiệp là nhờ vào chính sách của chính nhà trường trong quá trình hợp tác: Tạo ra những đổi mới dựa trên các ý tưởng đột phá; phát triển nguồn nhân lực xuất sắc về sáng tạo và khai thác sở hữu trí tuệ; chủ động xúc tiến chiến lược hỗ trợ trí tuệ với việc các kết quả sở hữu trí tuệ thuộc về trường đại học, không thuộc về cá nhân các nhà nghiên cứu; cải tiến khung hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp với các tổ chức cấp phép về công nghệ; xúc tiến nghiên cứu xây dựng các dự án thành lập doanh nghiệp; hỗ trợ tối ưu hóa kết quả nghiên cứu; có chính sách cụ thể, rõ ràng về hoạt động hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp...[4]. Sự thành công đó đã khẳng định vị trí của Đại học Osaka, năm 2023, Đại học Osaka xếp thứ 4 trong các trường đại học Nhật Bản và xếp thứ 68 các trường đại học trên thế giới [5].

2. Một số gợi ý cho Việt Nam trong tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp

Từ kinh nghiệm hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp tại Nhật Bản và một số khó khăn, tồn tại về hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp tại Việt Nam, xin gợi ý một số giải pháp cơ bản sau:

Đối với Chính phủ

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp theo hướng: tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho trường đại học; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đại học; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hợp tác nghiên cứu và phát triển công nghệ với trường đại học.

Thứ hai, hướng dẫn cụ thể về quyền, trách nhiệm, phương thức hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp, tránh tình trạng xung đột lợi ích hay những mâu thuẫn từ mục tiêu phát triển của các bên.

Thứ ba, thiết lập nhiều kênh kết nối giữa trường đại học với doanh nghiệp. Cơ quan quản lý có thể đứng ra tổ chức các sân chơi, các diễn đàn để các trường đại học và doanh nghiệp gặp nhau, như sàn giao dịch công nghệ, gặp gỡ trường đại học - doanh nghiệp. Từ đó giúp trường đại học và doanh nghiệp rút kinh nghiệm sau mỗi giai đoạn hợp tác để nâng cao hiệu quả hợp tác trong tương lai.

Thứ tư, có cơ chế đặc thù để hỗ trợ trường đại học và doanh nghiệp thành lập các quỹ đầu tư phát triển để gia tăng sự ràng buộc, nâng cao trách nhiệm và hiệu quả khi tiến hành hợp tác.

Đối với các trường đại học

Một là, nâng cao nhận thức về hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp là vì lợi ích của cả hai bên, lợi ích của người học và lợi ích chung của xã hội; cần xây dựng các cơ chế, chính sách và các quy định rõ ràng về hình thức, nội dung, cơ chế hợp tác với doanh nghiệp; tham khảo và xác định rõ mô hình hợp

tác muốn theo đuổi để có định hướng, động lực và cam kết khi thực hiện hợp tác.

Hai là, tạo điều kiện và khuyến khích các nhà khoa học tích cực hợp tác với doanh nghiệp trong việc nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, thực hiện nghiên cứu khoa học gắn với nhu cầu xã hội bằng các chính sách về khen thưởng, đãi ngộ và thăng tiến của giảng viên theo tiêu chí tham gia vào quá trình hợp tác với doanh nghiệp. Đồng thời, lựa chọn và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực nghiên cứu, có tinh thần doanh nhân tham gia vào hoạt động hợp tác với doanh nghiệp.

Ba là, thiết lập bộ phận chuyên trách liên kết, hợp tác với doanh nghiệp. Có kế hoạch, chiến lược thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức hợp tác và mang tính chiến lược dài hạn: (1) Phát triển các chương trình tư vấn/hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tư vấn xây dựng chương trình đào tạo, đào tạo khởi nghiệp (giống G-TEC); (2) Trao đổi nhân lực như cho phép giảng viên tham gia vận hành công ty, yêu cầu sinh viên tham gia các khóa thực tập dài hạn hơn tại doanh nghiệp, và cho phép chuyên gia

trong ngành tham gia giảng dạy, quản lý hội đồng trường...; (3) Nghiên cứu và phát triển các dự án chung, tài trợ từ các doanh nghiệp và tổ chức các hội thảo trao đổi chia sẻ kiến thức; (4) Thành lập các công ty riêng để phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; (5) Tăng cường đăng ký sở hữu trí tuệ để làm chủ các phát minh, kết quả nghiên cứu.

Bốn là, thiết kế lại các chương trình đào tạo theo hướng để dành một tỷ lệ nhất định thời gian dành cho việc mời các nhà quản lý, nhà khoa học giỏi từ doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo, nghiên cứu của nhà trường.

Năm là, xây dựng mạng lưới cựu sinh viên, đặc biệt là những cựu sinh viên là doanh nhân/đảm nhận các vị trí quản lý trong doanh nghiệp để thúc đẩy hoạt động hợp tác với doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp

Thứ nhất, để hạn chế, khắc phục tình trạng đào tạo lại sau khi tuyển dụng,



Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp là xu thế tất yếu

Ảnh: Trường Đại học Ngoại thương tổ chức Diễn đàn hợp tác giữa doanh nghiệp và nhà trường (năm 2022)

doanh nghiệp cũng cần thiết lập bộ phận chuyên trách để phản biện, góp phần xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, mô hình và phương pháp đào tạo cho trường đại học theo hướng đảm bảo theo nhu cầu sử dụng nhân lực từ phía doanh nghiệp và xã hội.

Thứ hai, cần nhận thức đầy đủ hơn về ích lợi cũng như xu thế tất yếu của mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp, từ đó hoạch định cơ chế phối hợp cũng như chiến lược hợp lý cho hợp tác với trường đại học phục vụ mục tiêu phát triển lâu dài của chính doanh nghiệp.

Thứ ba, tạo điều kiện tiếp nhận sinh viên đến kiến tập, thực tập, tham quan, khảo sát; có chiến lược “nuôi dưỡng”, “tươm mắt” tài năng tại các trường đại học bằng các hình thức cung cấp học bổng, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính, tuyển dụng trước và sau tốt nghiệp; đặt hàng cơ sở đào tạo giải quyết những vấn đề cần thiết mà doanh nghiệp đang và sẽ có nhu cầu...

Thứ tư, doanh nghiệp cần có cơ chế, chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trong trường đại

học tham gia vào các dự án hoặc chia sẻ, cố vấn cho doanh nghiệp trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu phát triển...

Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp là xu thế tất yếu và mang lợi ích lâu dài cho các bên tham gia. Tuy nhiên, trong thời gian qua, kết quả hợp tác vẫn còn một số hạn chế, các giải pháp được đề xuất trong bài viết nhằm khắc phục các tồn tại, bất cập trong quá trình hợp tác ở cả ba góc độ: Chính phủ, doanh nghiệp và trường đại học.

Chính phủ cần sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để định hướng, khuyến khích, hỗ trợ trường đại học và doanh nghiệp cùng tham gia hợp tác. Các trường đại học và doanh nghiệp cần thay đổi nhận thức và quan điểm về hợp tác theo hướng tiếp cận mang tính chiến lược, lâu dài và đôi bên cùng có lợi; xây dựng các cơ chế, chính sách nội bộ để thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các bên nhằm nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh của trường đại học, doanh nghiệp và cả nền kinh tế trong bối cảnh hiện nay./.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hồ Phương Nhật (2020), Kinh nghiệm hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp tại Nhật Bản, *Tạp chí Công Thương*, số 11, tháng 5/2021.
2. Marina Ranga, Tomasz Mroczkowski, Tsunehisa Arais (2017), University-industry cooperation and the transition to innovation ecosystems in Japan, *Industry and Higher Education* 2017, Vol. 31(6) 373-387.
3. Nakagawa K, Takata M, Kato K, et al. (2017), A university-industry collaborative entrepreneurship education program as a trading zone: the case of Osaka university, *Technology Innovation Management Review*, June 2017.
4. U21, (2020), “Ranking of National Higher Education Systems 2020”, [https:// universitas21.com/sites/default/files/2020-04/U21_Rankings%20Report_0320_Final_LR%20Single.pdf](https://universitas21.com/sites/default/files/2020-04/U21_Rankings%20Report_0320_Final_LR%20Single.pdf), truy cập ngày 02/6/2023.
5. QS World University Rankings (2023), <https://www.topuniversities.com/university-rankings/university-subject-rankings/2023/arts-humanities?&page=5&tab=indicators>.